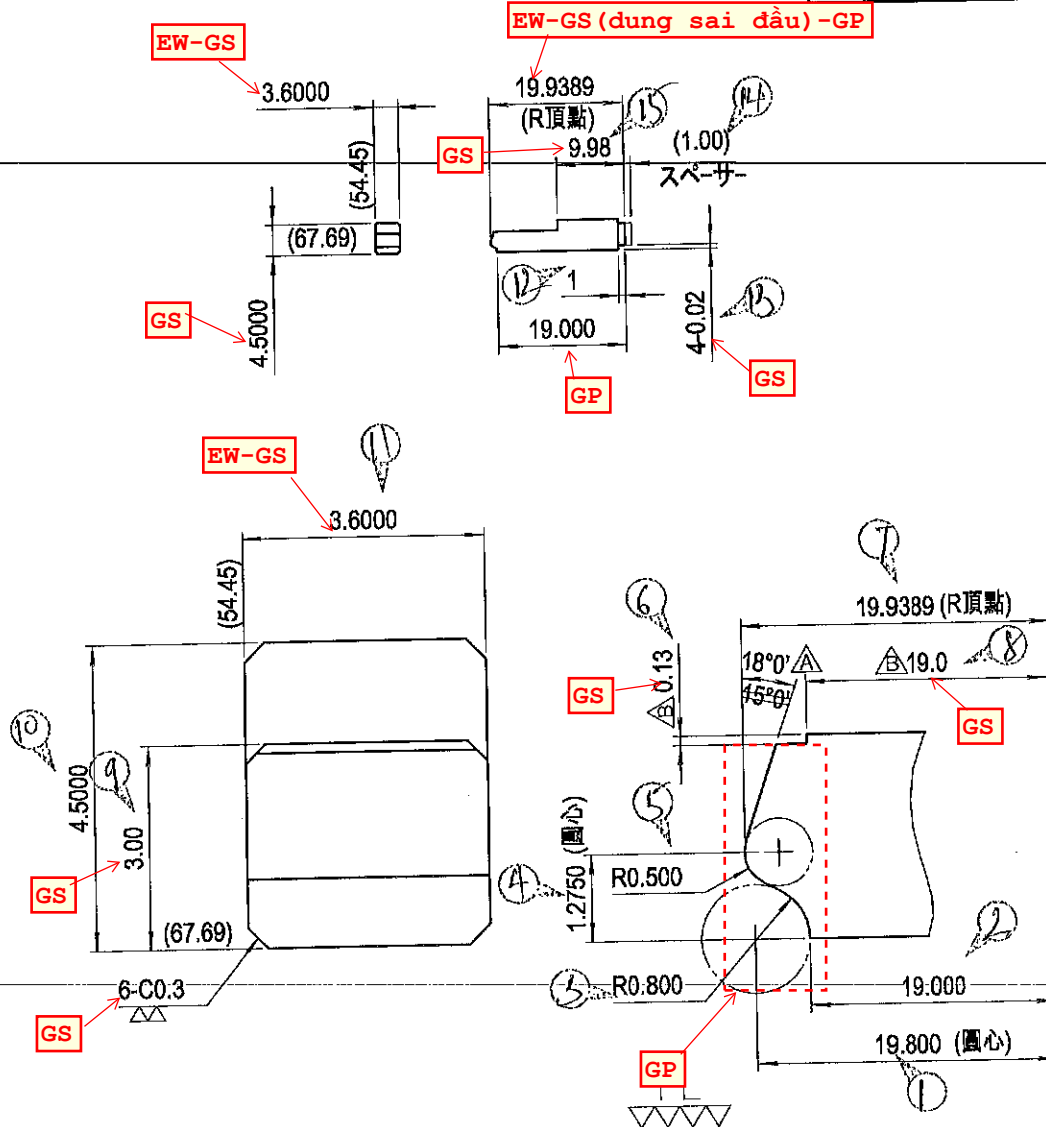


REV.	DATE	DESCRIPTION	Rev.No.	DWN.	CHK.	CUTTING TOLERANCE			
Init.						0.000	±0.002	0.000 +0	+0
△a	2008/05/07	上限改善の為(S752517→S763878)		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
△b	2011/05/16	ニゲ追加(現物識別不要)		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.00	±0.01	0.00 +0	+0
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01
						0.	±0.2	0.0 +0	+0
								0.0 -0	+0.1
									-0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G ( FL )			

EW ra phôi:  
T6\*4.0\*20.4



DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		曲げダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BEND DIE
HRC		部品図		彎曲下模
MATERIAL	DATE	SCALE		弯曲下模
WC(D30/HIP)	2008/05/10	1:1 (10/1)		DWG.No.
				<b>S763878</b>

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

T6x7x22

414 303 0087

SNO: **S763878**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T6*4.6*22</b>	EW:30 GS:150 GP:60 AF:10 KT